

Số: 1070 /BCT-TCCB

V/v hướng dẫn một số nội dung về ký hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động và xây dựng Đề án vị trí việc làm

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan hành chính thuộc Bộ;
- Văn phòng Hội đồng cạnh tranh;
- Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế;
- Văn phòng Ban chỉ đạo quốc gia về phát triển điện lực;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước các Dự án trọng điểm về dầu khí;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (năm 2019); Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Bộ Công Thương đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

I. Rà soát, ký hợp đồng làm việc đối với lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Bộ hướng dẫn các đơn vị thực hiện ký hợp đồng làm việc đối với lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập. Cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền thực hiện ký hợp đồng làm việc

- Bộ trưởng Bộ Công Thương ký hợp đồng làm việc đối với cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (riêng đối với khối cơ sở giáo dục đã thành lập Hội đồng trường thì Bộ trưởng ký hợp đồng làm việc với Chủ tịch Hội đồng trường và Hiệu trưởng).

- Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ ký hợp đồng làm việc đối với cấp phó đơn vị.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục thuộc Bộ: Cục trưởng ký

hợp đồng làm việc đối với cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục theo phân cấp.

2. Thời điểm ký hợp đồng làm việc

- Trường hợp lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập được bổ nhiệm chức vụ đang đảm nhiệm trước ngày 01/7/2020: sẽ thực hiện ký hợp đồng làm việc kể từ thời điểm hết thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ đang đảm nhiệm.

- Trường hợp lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập được bổ nhiệm giữ chức vụ đang đảm nhiệm sau ngày 01/7/2020: thời điểm thực hiện ký hợp đồng làm việc là thời điểm hiện tại.

3. Loại hợp đồng làm việc

Hợp đồng làm việc được ký đối với lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập là hợp đồng không xác định thời hạn.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện ký hợp đồng làm việc theo mẫu gửi kèm Công văn này.

Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền ký của Bộ trưởng Bộ Công Thương, đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp với Bộ (thông qua Vụ Tổ chức cán bộ) dự thảo các nội dung liên quan của hợp đồng.

Việc rà soát bổ sung hoặc ký mới hợp đồng làm việc đối với lãnh đạo đơn vị sự nghiệp được thực hiện thường xuyên hằng năm khi có thay đổi thông tin trong nội dung hợp đồng (đối tượng, thời điểm ký và các nội dung khác).

II. Rà soát, ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đối với người lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Bộ đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai rà soát, ký hợp đồng lao động đối với người lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ đảm bảo quy định của Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

Trong đó, lưu ý các trường hợp đang thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ nếu chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động theo quy định của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và cơ quan, đơn vị không ký hợp đồng dịch vụ thì cơ quan, đơn vị phải chuyển sang ký hợp đồng lao động trước ngày 22 tháng 02 năm 2024.

Hợp đồng lao động ký kết phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp về tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp một trong các bên không có nhu cầu thì giải quyết chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật.

Người lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ (lái xe; bảo vệ; lễ tân; phục vụ; tạp vụ; trông giữ phương tiện; bảo trì, bảo dưỡng, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; công việc hỗ trợ, phục vụ khác thuộc danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập không được xác định là công

chức, viên chức theo quy định của pháp luật) được hưởng tiền lương và các chế độ khác theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động. Tiền lương trong hợp đồng lao động áp dụng một trong hai hình thức: Áp dụng mức tiền lương theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật lao động hoặc áp dụng tiền lương theo bảng lương của công chức, viên chức phù hợp với khả năng ngân sách của cơ quan, đơn vị. Trường hợp thỏa thuận áp dụng tiền lương theo bảng lương của công chức, viên chức thì các loại phụ cấp được hưởng (nếu có) được tính vào tiền lương; chế độ nâng bậc lương và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến tiền lương thực hiện như công chức, viên chức.

Đề nghị Văn phòng Bộ rà soát các công việc hỗ trợ, phục vụ hiện đang thực hiện ký hợp đồng dịch vụ tại Văn phòng Bộ. Trường hợp các công việc hỗ trợ, phục vụ không thực hiện ký hợp đồng dịch vụ, đề nghị lập danh sách người lao động và phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ để ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

III. Rà soát, phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm của Bộ Nội vụ và các Bộ quản lý ngành; các Quyết định của cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị; Bộ đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện:

1. Rà soát, xác định danh mục vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị

Cơ quan, đơn vị căn cứ vào danh mục vị trí việc làm tại các Phụ lục gửi kèm theo, bao gồm: vị trí việc làm lãnh đạo quản lý; vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành; vị trí việc làm chuyên môn dùng chung; vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ để xác định danh mục vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị.

Trường hợp cần thiết, cơ quan, đơn vị có thể đề xuất bổ sung thêm vị trí việc làm đặc thù của cơ quan, đơn vị.

2. Xây dựng bản mô tả công việc, khung năng lực cho các vị trí việc làm

Cơ quan, đơn vị căn cứ Bản mô tả công việc, khung năng lực (mẫu) tại Phụ lục gửi kèm theo, thực hiện xây dựng Bản mô tả công việc, khung năng lực cho các vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị.

3. Rà soát, xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức

- Cơ quan, đơn vị phân công, bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm; rà soát ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm đảm nhận của công chức, viên chức.

- Căn cứ Bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm; chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và khối lượng công việc thực tế triển

khai trong 03 năm gần nhất, cơ quan, đơn vị xác định và đề xuất cơ cấu ngạch công chức/ cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. Thẩm định, phê duyệt Đề án vị trí việc làm

4.1. Đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

Cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm gửi về Bộ Công Thương để thẩm định, phê duyệt gồm: Danh mục vị trí việc làm; Bản mô tả công việc và Khung năng lực các vị trí việc làm cơ cấu ngạch công chức/ cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức.

4.2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

- Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch số lượng người làm việc.

- Căn cứ Quy chế hoạt động của đơn vị và các văn bản hướng dẫn có liên quan, thực hiện quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; quyết định số lượng người làm việc của đơn vị bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc của đơn vị, không làm tăng kinh phí chi đầu tư đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

- Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo Bộ.

Cơ quan, đơn vị triển khai các nội dung nêu trên và gửi kết quả về Bộ (thông qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 20 tháng 3 năm 2023 để tổng hợp, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB.

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Nguyễn Ngọc Minh Hương

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐLV

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

MẪU

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định/QĐ-BCT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo;

Chúng tôi, một bên là Ông: **Nguyễn Văn A.**

Chức vụ: **Thứ trưởng Bộ Công Thương.**

Đại diện cho đơn vị: **Bộ Công Thương.**

Địa chỉ: số 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại:

Và một bên là Ông/Bà:

Sinh ngày tháng năm tại

Trình độ đào tạo:

Chuyên ngành đào tạo:

Năm tốt nghiệp:

Địa chỉ thường trú tại:

Số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân:

Cấp ngày tháng năm tại

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Nhiệm vụ hợp đồng

- Địa điểm làm việc (2):

- Chức danh chuyên môn:

-
- Chức vụ:
- Nhiệm vụ (3):
-
-
-

Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (4):
-
- Được trang bị những phương tiện làm việc gồm:
-
-
-

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người viên chức lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập

1. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết trong hợp đồng làm việc.
- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc, và các quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Luật Viên chức.
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành việc bố trí, phân công khi đơn vị sự nghiệp có nhu cầu.

2. Quyền lợi:

- Được hưởng các quyền lợi quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Luật Viên chức.
- Phương tiện đi lại làm việc (5):
-
- Chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm (mã số) (6):
- ; Bạc: Hệ số lương:
- Phụ cấp gồm (7):
- được trả theo kỳ trả lương hàng tháng của đơn vị.
- Thời gian tính nâng bậc lương:
-
- Khoản trả ngoài lương:

.....
- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm:

.....
- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng):
.....

.....
- Chế độ bảo hiểm (8):

.....
- Được hưởng các phúc lợi:

.....
- Được hưởng các khoản thưởng, nâng bậc lương, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật (9):

.....
- Được hưởng các chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

- Những thỏa thuận khác (10):

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Công Thương

1. Nghĩa vụ

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng làm việc;

- Đảm bảo viên chức lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng các chế độ và quyền lợi theo đúng quy định của pháp luật về viên chức.

2. Quyền hạn

- Sử dụng viên chức lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập để hoàn thành công việc theo hợp đồng (Bố trí, phân công, tạm đình chỉ công tác...).

- Chấm dứt hợp đồng làm việc, kỷ luật viên chức lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về viên chức.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của viên chức lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập không ghi trong hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Hợp đồng này làm thành 03 bản có giá trị ngang nhau, Bộ Công Thương giữ 01 bản, đơn vị sự nghiệp công lập giữ 01 bản, viên chức lãnh đạo được ký hợp đồng giữ 01 bản, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ... tháng 10 năm 2022.

Hợp đồng này làm tại....., ngày ... tháng 10 năm 2022.

NGƯỜI ĐƯỢC KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Ghi cụ thể tên đơn vị sự nghiệp.
2. Ghi cụ thể số nhà, phố, phường (thôn, xã), quận (huyện, thị xã), tỉnh, thành phố thuộc tỉnh hoặc trung ương.
3. Ghi cụ thể nhiệm vụ phải đảm nhiệm.
4. Ghi cụ thể số giờ làm việc trong ngày, hoặc trong tuần, hoặc làm việc theo giờ hành chính.
5. Phương tiện đi làm việc do đơn vị đảm nhiệm hoặc viên chức tự lo.
6. Ghi cụ thể chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm, mức lương chính, hình thức trả lương (lương thời gian, khoán...).
7. Ghi cụ thể tỷ lệ % các phụ cấp (nếu có) như: Khu vực, trượt giá, độc hại, thu hút, thâm niên, trách nhiệm v.v...
8. Ghi cụ thể quyền lợi bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác mà viên chức được hưởng. Ví dụ: Được hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

9. Ghi cụ thể viên chức được hưởng quyền lợi nào đã nêu trong mục này.
10. Những thỏa thuận khác thường là những thỏa thuận khuyến khích và có lợi hơn cho viên chức như: Những vật dụng rẻ tiền mau hỏng, khi hư hỏng, mất, không phải đền bù, thực hiện tốt Hợp đồng làm việc được đi du lịch, nghỉ mát, tham quan không mất tiền, được hưởng lương tháng thứ 13, 14, được nghỉ phép thêm vài ngày đến một tuần, tai nạn rủi ro ngoài giờ làm việc được trợ cấp thêm một khoản tiền, được tặng quà ngày sinh nhật.

BỘ CÔNG THƯƠNG**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐƯỢC SỬ DỤNG
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH THUỘC BỘ**

*(Gửi kèm Công văn số 1070/BCT-TCCB ngày 02 tháng 3 năm 2023
của Bộ Công Thương)*

STT	Danh mục vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Thứ trưởng	
2	Tổng cục trưởng	
3	Cục trưởng (thuộc Bộ)	
4	Vụ trưởng (thuộc Bộ)	
5	Chánh Thanh tra (thuộc Bộ)	
6	Chánh Văn phòng (thuộc Bộ)	
7	Vụ trưởng (thuộc Tổng cục)	
8	Chánh Văn phòng (thuộc Tổng cục)	
9	Cục trưởng (thuộc Tổng cục)	
10	Phó Tổng Cục trưởng (thuộc Bộ)	
11	Phó Cục trưởng (thuộc Bộ)	
12	Phó Vụ trưởng (thuộc Bộ)	
13	Phó Chánh Thanh tra (thuộc Bộ)	
14	Phó Chánh Văn phòng (thuộc Bộ)	
15	Phó Vụ trưởng (thuộc Tổng cục)	

16	Phó Chánh Văn phòng (thuộc Tổng cục)	
17	Phó Cục trưởng (thuộc Tổng cục)	
18	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục và tương đương thuộc Bộ)	
19	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
20	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục và tương đương thuộc Bộ)	
21	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên cao cấp
2	Chuyên viên chính về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên cao cấp
5	Chuyên viên chính về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý công nghiệp	Chuyên viên cao cấp
8	Chuyên viên chính về quản lý công nghiệp	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý năng lượng	Chuyên viên cao cấp
11	Chuyên viên chính về quản lý năng lượng	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về quản lý năng lượng	Chuyên viên
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoá chất	Chuyên viên cao cấp

14	Chuyên viên chính về quản lý hoá chất	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên về quản lý hoá chất	Chuyên viên
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên cao cấp
17	Chuyên viên chính về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên
19	Chuyên viên cao cấp về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên cao cấp
20	Chuyên viên chính về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên chính
21	Chuyên viên về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên
22	Kiểm soát viên cao cấp về quản lý thị trường	Kiểm soát viên cao cấp thị trường
23	Kiểm soát viên chính về quản lý thị trường	Kiểm soát viên chính thị trường
24	Kiểm soát viên về quản lý thị trường	Kiểm soát viên thị trường
25	Kiểm soát viên trung cấp về quản lý thị trường	Kiểm soát viên trung cấp thị trường
26	Chuyên viên cao cấp về an toàn thực phẩm	Chuyên viên cao cấp
27	Chuyên viên chính về an toàn thực phẩm	Chuyên viên chính
28	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	Chuyên viên
III	Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên cao cấp về pháp chế	Chuyên viên cao cấp
2	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
4	Chuyên viên cao cấp về tổ chức bộ máy	Chuyên viên cao cấp

5	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên cao cấp
8	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
10	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
12	Thanh tra viên cao cấp về công tác thanh tra	Thanh tra viên cao cấp
13	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
14	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
15	Thanh tra viên cao cấp về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Thanh tra viên cao cấp
16	Thanh tra viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Thanh tra viên chính
17	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Thanh tra viên
18	Thanh tra viên cao cấp về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên cao cấp
19	Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên chính
20	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
21	Thanh tra viên cao cấp về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên cao cấp
22	Thanh tra viên chính về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên chính
23	Thanh tra viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên
24	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính

25	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
26	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
27	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
28	Cán sự về hành chính - văn phòng	Cán sự
29	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên
30	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên
31	Chuyên viên chính công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
32	Chuyên viên công nghệ thông tin	Chuyên viên
33	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
34	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
35	Chuyên viên về Văn thư	Chuyên viên
36	Chuyên viên về Lưu trữ	Chuyên viên
37	Cán sự về Văn thư	Cán sự
38	Cán sự về Lưu trữ	Cán sự
39	Chuyên viên cao cấp về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên cao cấp
40	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
41	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
42	Chuyên viên cao cấp về thống kê	Chuyên viên cao cấp
43	Chuyên viên chính về thống kê	Chuyên viên chính
44	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên
45	Chuyên viên cao cấp về tài chính	Chuyên viên cao cấp

46	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
47	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
48	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	
49	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
50	Kế toán viên	Kế toán viên
51	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp
52	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên
53	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự
54	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên
55	Chuyên viên cao cấp về quản lý khoa học	Chuyên viên cao cấp
56	Chuyên viên chính về quản lý khoa học	Chuyên viên chính
57	Chuyên viên về quản lý khoa học	Chuyên viên
IV	Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	
1	Nhân viên kỹ thuật	
2	Nhân viên Y tế cơ quan	
3	Nhân viên Phục vụ	
4	Nhân viên Lễ tân	
5	Nhân viên Bảo vệ	
6	Nhân viên Lái xe	

BỘ CÔNG THƯƠNG

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐƯỢC SỬ DỤNG
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THUỘC BỘ**

*(Gửi kèm Công văn số 1070/BCT-TCCB ngày 02 tháng 3 năm 2023
của Bộ Công Thương)*

TT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng hạng CDNN
I	VTVL Hội đồng trường	
1	Chủ tịch Hội đồng trường	
2	Thành viên Hội đồng trường	
II	VTVL lãnh đạo, quản lý	
1	Hiệu trưởng	
2	Phó Hiệu trưởng	
3	Trưởng phòng	
4	Phó Trưởng phòng	
5	Giám đốc Trung tâm	
6	Phó Giám đốc Trung tâm	
7	Trưởng khoa	
8	Phó Trưởng khoa	
9	Tổng Biên tập	
10	Phó Tổng biên tập	
11	Trưởng bộ môn	

12	Phó Trưởng bộ môn	
II	VTVL chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	
1	Giảng viên cao cấp	Hạng I
2	Giảng viên chính	Hạng II
3	Giảng viên	Hạng III
4	Trợ giảng	Hạng III
III	VTVL chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Hạng II
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Hạng III
3	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Hạng II
4	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Hạng III
5	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Hạng II
6	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Hạng III
7	Chuyên viên chính về tổng hợp	Hạng II
8	Chuyên viên về tổng hợp	Hạng III
9	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Hạng II
10	Chuyên viên về quản trị công sở	Hạng III
11	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Hạng II
12	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Hạng III
13	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	
14	Kế toán viên chính	Hạng II

15	Kế toán viên	Hạng III
16	Chuyên viên Thủ quỹ	Hạng III
17	Chuyên viên chính về pháp chế	Hạng II
18	Chuyên viên về pháp chế	Hạng III
19	Chuyên viên chính về quản lý, nghiên cứu khoa học	Hạng II
20	Chuyên viên về quản lý, nghiên cứu khoa học	Hạng III
21	Quản lý hoạt động đào tạo hạng II	Hạng II
22	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Hạng III
23	Quản lý chất lượng giáo dục hạng II	Hạng II
24	Quản lý chất lượng giáo dục hạng III	Hạng III
25	Quản lý học sinh sinh viên, công tác chính trị tư tưởng hạng II	Hạng II
26	Quản lý học sinh sinh viên, công tác chính trị tư tưởng hạng III	Hạng III
27	Chuyên viên chính về truyền thông	Hạng II
28	Chuyên viên về truyền thông	Hạng III
29	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Hạng II
30	Chuyên viên về quản trị công sở	Hạng III
31	Chuyên viên về văn thư	Hạng II
32	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III
33	Công nghệ thông tin hạng II	Hạng II
34	Công nghệ thông tin hạng III	Hạng III
IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ	

1	Nhân viên kỹ thuật	
2	Nhân viên y tế cơ quan	
3	Nhân viên phục vụ	
4	Nhân viên lễ tân	
5	Nhân viên bảo vệ	
6	Nhân viên lái xe	

BỘ CÔNG THƯƠNG

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐƯỢC SỬ DỤNG
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THUỘC BỘ**
*(Gửi kèm Công văn số 1070/BCT-TCCB ngày 02 tháng 3 năm 2023
của Bộ Công Thương)*

TT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng hạng CDNN
I	VTVL Hội đồng trường	
1	Chủ tịch Hội đồng trường	
2	Thành viên Hội đồng trường	
II	VTVL lãnh đạo, quản lý	
1	Hiệu trưởng	
2	Phó Hiệu trưởng	
3	Trưởng phòng	
4	Phó Trưởng phòng	
5	Giám đốc Trung tâm	
6	Phó Giám đốc Trung tâm	
7	Trưởng khoa	
8	Phó Trưởng khoa	
9	Tổng Biên tập	
10	Phó Tổng biên tập	
11	Trưởng bộ môn	

12	Phó Trưởng bộ môn	
II	VTVL chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	
1	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp	Hạng I
2	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính chính	Hạng II
3	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết	Hạng III
4	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành	Hạng III
III	VTVL chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Hạng II
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Hạng III
3	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Hạng II
4	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Hạng III
5	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Hạng II
6	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Hạng III
7	Chuyên viên chính về tổng hợp	Hạng II
8	Chuyên viên về tổng hợp	Hạng III
9	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Hạng II
10	Chuyên viên về quản trị công sở	Hạng III
11	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Hạng II
12	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Hạng III
13	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	
14	Kế toán viên chính	Hạng II

15	Kế toán viên	Hạng III
16	Chuyên viên Thủ quỹ	Hạng III
17	Chuyên viên chính về pháp chế	Hạng II
18	Chuyên viên về pháp chế	Hạng III
19	Chuyên viên chính về quản lý, nghiên cứu khoa học	Hạng II
20	Chuyên viên về quản lý, nghiên cứu khoa học	Hạng III
21	Quản lý hoạt động đào tạo hạng II	Hạng II
22	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Hạng III
23	Quản lý chất lượng giáo dục hạng II	Hạng II
24	Quản lý chất lượng giáo dục hạng III	Hạng III
25	Quản lý học sinh sinh viên, công tác chính trị tư tưởng hạng II	Hạng II
26	Quản lý học sinh sinh viên, công tác chính trị tư tưởng hạng III	Hạng III
27	Chuyên viên chính về truyền thông	Hạng II
28	Chuyên viên về truyền thông	Hạng III
29	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Hạng II
30	Chuyên viên về quản trị công sở	Hạng III
31	Chuyên viên về văn thư	Hạng II
32	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III
33	Công nghệ thông tin hạng II	Hạng II
34	Công nghệ thông tin hạng III	Hạng III
IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ	

1	Nhân viên kỹ thuật	
2	Nhân viên y tế cơ quan	
3	Nhân viên phục vụ	
4	Nhân viên lễ tân	
5	Nhân viên bảo vệ	
6	Nhân viên lái xe	

BỘ CÔNG THƯƠNG**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐƯỢC SỬ DỤNG
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC BỘ**

*(Gửi kèm Công văn số 1070/BCT-TCCB ngày 02 tháng 3 năm 2023
của Bộ Công Thương)*

TT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng hạng CDNN
I	VTVL Hội đồng quản lý	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	
II	VTVL lãnh đạo, quản lý	
1	Viện trưởng	
2	Phó Viện trưởng	
3	Giám đốc Phòng thí nghiệm trọng điểm (thuộc Viện)	
4	Phó Giám đốc Phòng thí nghiệm trọng điểm (thuộc Viện)	
5	Giám đốc Trung tâm (thuộc Viện)	
6	Phó Giám đốc Trung tâm (thuộc Viện)	
7	Trưởng Chi nhánh (thuộc Viện)	
8	Phó Trưởng Chi nhánh (thuộc Viện)	
9	Trưởng phòng (thuộc Viện)	
10	Phó Trưởng phòng (thuộc Viện)	
11	Trưởng Bộ môn (thuộc Viện)	

12	Phó Trưởng Bộ môn (thuộc Viện)	
13	Trưởng phòng (thuộc Trung tâm thuộc Viện)	
14	Phó Trưởng phòng (thuộc Trung tâm thuộc Viện)	
III	VTVL chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	
1	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)	Hạng I
2	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	Hạng II
3	Nghiên cứu viên (hạng III)	Hạng III
4	Trợ lý nghiên cứu (hạng IV)	Hạng IV
5	Kỹ sư cao cấp (hạng I)	Hạng I
6	Kỹ sư chính (hạng II)	Hạng II
7	Kỹ sư (hạng III)	Hạng III
8	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Hạng IV
III	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên

9	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
15	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên
17	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
19	Chuyên viên về văn thư	Chuyên viên
20	Cán sự về văn thư	Cán sự
21	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III
22	Lưu trữ viên trung cấp hạng IV	Hạng IV
23	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
24	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
25	Chuyên viên chính về tài chính, ngân sách	Chuyên viên chính
26	Chuyên viên về tài chính, ngân sách	Chuyên viên
27	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	
28	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
29	Kế toán viên	Kế toán viên

30	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên
31	Công nghệ thông tin hạng II	Hạng II
32	Công nghệ thông tin hạng III	Hạng III
IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ	
1	Nhân viên kỹ thuật	
2	Nhân viên Y tế cơ quan	
3	Nhân viên Phục vụ	
4	Nhân viên Lễ tân	
5	Nhân viên Bảo vệ	
6	Nhân viên Lái xe	

BỘ CÔNG THƯƠNG

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐƯỢC SỬ DỤNG
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ
THUỘC BỘ**

*(Gửi kèm Công văn số 1070/BCT-TCCB ngày 02 tháng 3 năm 2023
của Bộ Công Thương)*

TT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng hạng CDNN
I	VTVL lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Trung tâm	
2	Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng phòng	
4	Phó Trưởng phòng	
5	Trưởng khoa	
6	Phó Trưởng khoa	
7	Viện trưởng	
8	Phó Viện trưởng	
II	VTVL chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	
1	Bác sĩ chính (hạng II)	Hạng II
2	Bác sĩ (hạng III)	Hạng III
3	Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II)	Hạng II
4	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Hạng III
5	Y sĩ hạng IV	Hạng IV

6	Dược sĩ (hạng III)	Hạng III
7	Dược hạng IV	Hạng IV
8	Y tế công cộng (hạng III)	Hạng III
9	Điều dưỡng hạng III	Hạng III
10	Điều dưỡng hạng IV	Hạng IV
11	Kỹ thuật y hạng III	Hạng III
12	Kỹ thuật y hạng IV	Hạng IV
III	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
2	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
3	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
4	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
5	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
6	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên
7	Chuyên viên về văn thư	Chuyên viên
8	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III
9	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	
10	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
11	Kế toán viên	Kế toán viên
12	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên
IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ	

1	Nhân viên kỹ thuật	
2	Nhân viên Bảo vệ	
3	Nhân viên Lái xe	



BỘ CÔNG THƯƠNG**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐƯỢC SỬ DỤNG
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA,
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THUỘC BỘ**

*(Gửi kèm Công văn số 1070/BCT-TCCB ngày 02 tháng 3 năm 2023
của Bộ Công Thương)*

TT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng hạng CDNN
I	VTVL lãnh đạo, quản lý	
1	Tổng Biên tập	
2	Phó Tổng biên tập	
3	Giám đốc Trung tâm	
4	Phó Giám đốc Trung tâm	
5	Chánh Văn phòng	
6	Phó Chánh Văn phòng	
7	Trưởng phòng	
8	Phó Trưởng phòng	
9	Trưởng Ban	
10	Phó Trưởng ban	
11	Giám đốc Chi nhánh	
12	Phó Giám đốc Chi nhánh	
II	VTVL chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	
1	Biên tập viên hạng I	Hạng I

2	Biên tập viên hạng II	Hạng II
3	Biên tập viên hạng III	Hạng III
4	Phóng viên hạng I	Hạng I
5	Phóng viên hạng II	Hạng II
6	Phóng viên hạng III	Hạng III
7	Biên dịch viên hạng I	Hạng I
8	Biên dịch viên hạng II	Hạng II
9	Biên dịch viên hạng III	Hạng III
10	Họa sĩ hạng I	Hạng I
11	Họa sĩ hạng II	Hạng II
12	Họa sĩ hạng III	Hạng III
13	Họa sĩ hạng IV	Hạng IV
III	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên

9	Chuyên viên về văn thư	Chuyên viên
10	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	
11	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
12	Kế toán viên	Kế toán viên
13	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên
14	Công nghệ thông tin hạng II	Hạng II
15	Công nghệ thông tin hạng III	Hạng III
IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ	
1	Nhân viên kỹ thuật	
2	Nhân viên phục vụ	
3	Nhân viên lễ tân	
4	Nhân viên lái xe	

BỘ CÔNG THƯƠNG**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC TRUNG TÂM
THUỘC CỤC THUỘC BỘ***(Gửi kèm Công văn số 1070/BCT-TCCB ngày 02 tháng 3 năm 2023
của Bộ Công Thương)*

TT	Tên vị trí việc làm	Hạng CDNN
I	VTVL Hội đồng quản lý	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	
II	VTVL lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc	
2	Phó Giám đốc	
3	Trưởng phòng và tương đương (Trưởng Chi nhánh)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (Phó Trưởng Chi nhánh)	
III	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành công thương	
5	Khuyến công hạng II	Hạng II
6	Khuyến công hạng III	Hạng III
7	Ứng phó sự cố và an toàn hóa chất hạng II	Hạng II
8	Ứng phó sự cố và an toàn hóa chất hạng III	Hạng III
9	Cảnh báo sớm trong phòng vệ thương mại hạng II	Hạng II
10	Cảnh báo sớm trong phòng vệ thương mại hạng III	Hạng III
11	Phát triển thị trường điện hạng II	Hạng II

12	Phát triển thị trường điện hạng III	Hạng III
13	Quản lý dự án năng lượng hạng II	Hạng II
14	Quản lý dự án năng lượng hạng III	Hạng III
15	Phát triển thương mại điện tử và kinh tế số hạng II	Hạng II
16	Phát triển thương mại điện tử và kinh tế số hạng III	Hạng III
17	Hỗ trợ phát triển công nghiệp hạng II	Hạng II
18	Hỗ trợ phát triển công nghiệp hạng III	Hạng III
19	Hỗ trợ xuất nhập khẩu hạng II	Hạng II
20	Hỗ trợ xuất nhập khẩu hạng III	Hạng III
21	Xúc tiến thương mại và đầu tư hạng II	Hạng II
22	Xúc tiến thương mại và đầu tư hạng III	Hạng III
23	Phát triển công nghiệp môi trường hạng II	Hạng II
24	Phát triển công nghiệp môi trường hạng III	Hạng III
25	Hỗ trợ điện lực và năng lượng tái tạo hạng II	Hạng II
26	Hỗ trợ điện lực và năng lượng tái tạo hạng III	Hạng III
27	Hỗ trợ cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hạng II	Hạng II
28	Hỗ trợ cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hạng III	Hạng III
29	Chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại hạng II	Hạng II
30	Chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại hạng III	Hạng III
IV	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên

2	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
3	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
4	Kế toán trưởng	
5	Kế toán viên	Kế toán viên
6	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên

Phụ lục VIII

BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC VÀ KHUNG NĂNG LỰC

(Ban hành kèm theo Công văn số 1070/BCT-TCCB ngày 02 tháng 03 năm 2023 của Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Tên VTVL:		Mã vị trí việc làm:
		Ngày bắt đầu thực hiện:
Địa điểm làm việc:	(Địa chỉ trụ sở cơ quan)	
Quy trình công việc liên quan:	(tên tài liệu, quy trình công việc liên quan đến vị trí này)	

1- Mục tiêu vị trí việc làm: (Tóm tắt tổng quan về vị trí việc làm)

2- Các công việc và tiêu chí đánh giá

TT	Các công việc		Tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc
	Mảng công việc	Công việc cụ thể	
2.1	Tham mưu xây dựng văn bản		
2.2	Hướng dẫn		
2.3	Kiểm tra		
2.4	Thẩm định các đề án công tác và nghiệp vụ liên quan		
2.5	Nghiên cứu xây dựng các đề án cấp bộ, cấp nhà nước về lĩnh vực		
2.6	Phối hợp thực hiện		
2.7	Thực hiện nhiệm vụ chung, hội họp		
2.8	Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác năm, quý, tháng, tuần của cá nhân		
2.9	Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên giao.		

	• Giao tiếp ứng xử	
	• Quan hệ phối hợp	
	• Sử dụng công nghệ thông tin	
	• Sử dụng ngoại ngữ	
Nhóm năng lực chuyên môn	• Khả năng xây dựng văn bản	
	• Khả năng hướng dẫn thực hiện	
	• Khả năng kiểm tra thực hiện	
	• Khả năng thẩm định	
	• Khả năng phối hợp thực hiện	
Nhóm năng lực quản lý	• Tư duy chiến lược	
	• Quản lý sự thay đổi	
	• Ra quyết định	
	• Quản lý nguồn lực	
	• Phát triển công chức	

Phê duyệt của lãnh đạo

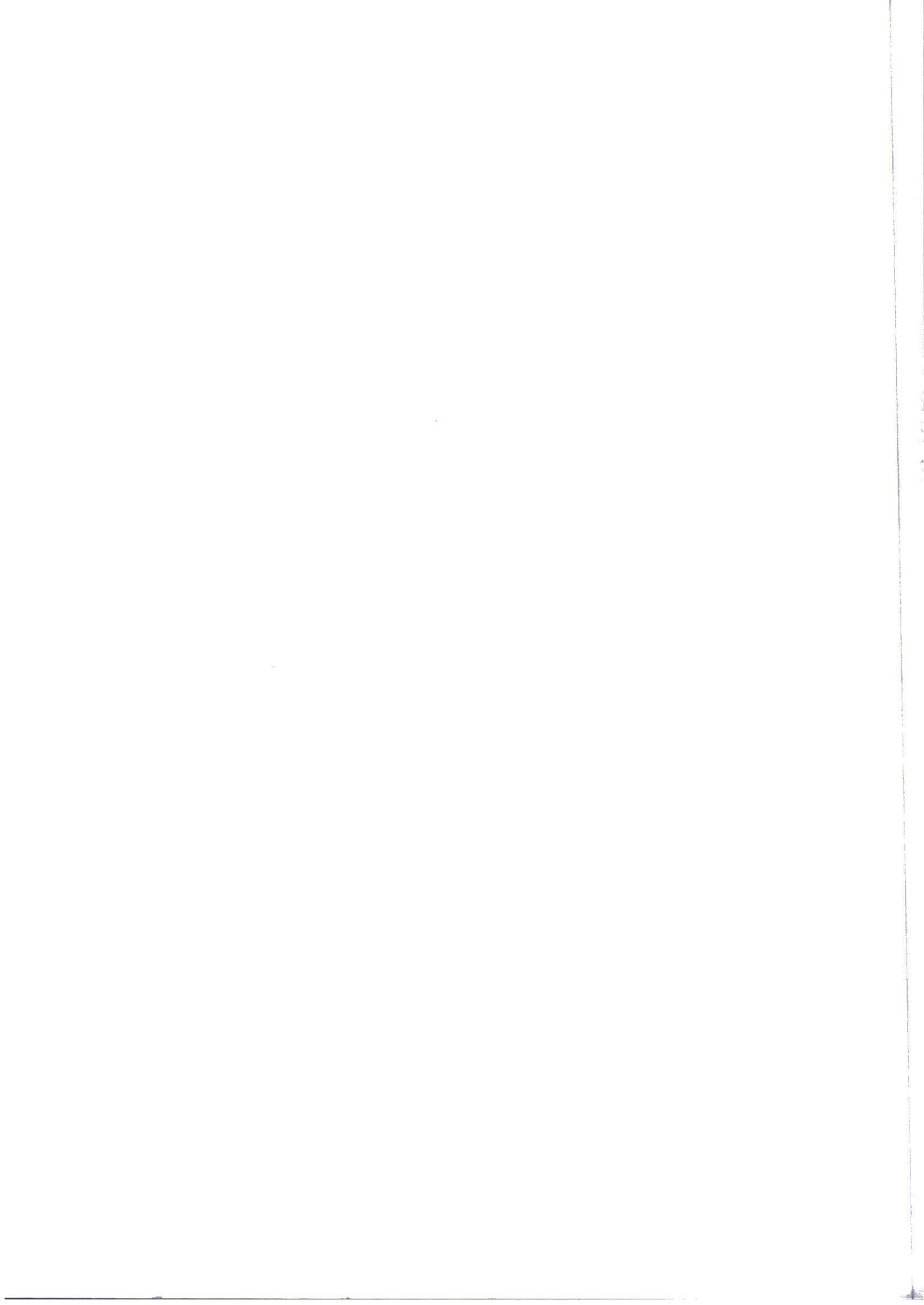
BỘ CÔNG THƯƠNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

ĐỀ XUẤT CƠ CẤU NGÁCH CÔNG CHỨC

(Gửi kèm theo Công văn số 1070 /BCT-TCCB ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Bộ Công Thương)

STT	Công chức chuyên ngành	Số lượng hiện có							Cơ cấu ngạch công chức (Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm)								
		Tổng số	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên và tương đương	Tổng số	CVCC và tương đương		CVC và tương đương		CV và tương đương		Cán sự và tương đương		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	Số lượng (11)	Tỷ lệ % (12)	Số lượng (13)	Tỷ lệ % (14)	Số lượng (15)	Tỷ lệ % (16)	Số lượng (17)	Tỷ lệ % (18)
1	Hành chính	42	10	18	14				50	13	25%	18	35%	19	40%	0	0%
2	Thanh tra																
3	Tài chính																
4	Quản lý thi trường																

- Ghi chú: Thực hiện xác định cơ cấu ngạch công chức theo từng nhóm công chức chuyên ngành, đảm bảo không vượt quá số lượng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao.
- Tổng cục Quản lý thi trường đề xuất cơ cấu ngạch cho từng đơn vị thuộc Tổng cục./.



BỘ CÔNG THƯƠNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

ĐỀ XUẤT CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

(Gửi kèm theo Công văn số **1070** /BCT-TCCB ngày **02** tháng **03** năm **2023** của Bộ Công Thương)

STT	Viên chức chuyên ngành	Số lượng hiện có					Cơ cấu hạng CDNN (Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm)								Ghi chú	
		Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I		Hạng II		Hạng III		Hạng IV		
								Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng		Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Giáo dục đại học	42	10	18	14		50	13	25%	18	35%	19	40%	0	0%	CDNN giảng viên
2	Giáo dục nghề nghiệp															CDNN giảng viên giáo dục nghề nghiệp
3	Nghiên cứu khoa học															CDNN kế toán viên
4	Thông tin truyền thông															CDNN biên tập viên, phòng viên
5	...															

- Ghi chú: Thực hiện xác định cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp theo từng nhóm viên chức chuyên ngành, đảm bảo tổng số nhu cầu không vượt quá tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao./

